

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2020/HS-ST

Ngày: 30-9-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Cải

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đ - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 274/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Thị Thu H, sinh ngày 25 tháng 8 năm 1994 tại: Huyện T, tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã M, huyện T, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm X, thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn M và bà Bùi Thị T; có chồng Nguyễn Văn D1 và 02 con, con lớn sinh ngày 17-10-2011, con nhỏ sinh ngày 05-6-2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 26-6-2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1982; nơi cư trú: Xóm Y, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 321 đường V, phường C, thành phố N. Vắng mặt.

2. Chị Văn Thị Thu H2, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện U, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Như T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 67 đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

4. Anh Bùi Văn H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

5. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xã Z, huyện N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

6. Anh Đỗ Quang Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị Thu H từng làm cộng tác viên cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (Công ty FE-Credit), đến năm 2017 thì H không cộng tác nữa. Quá trình cộng tác, H được tham gia nhóm chat Zalo “Văn phòng FE” của các nhân viên, cộng tác viên Công ty FE-Credit để trao đổi thông tin về khách hàng vay vốn. Sau khi nghỉ cộng tác với Công ty FE-Credit, H không rời nhóm và cũng không bị cho ra khỏi nhóm Zalo “Văn phòng FE” nên mọi cuộc nói chuyện, trao đổi công việc của các thành viên trong nhóm H đều đọc được. Đầu tháng 2/2020, trong nhóm Zalo “Văn phòng FE” có đăng tải thông tin anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1982, trú tại: Xóm Y, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định cùng thông tin cá nhân có nhu cầu vay vốn. Do anh D gần nhà, biết anh D có điều kiện kinh tế nên H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh D. Để thực hiện ý định của mình, H mua một sim điện thoại số 0389316593 không chính chủ và lập một tài khoản Zalo tên là “Anh Như”. Ngày 10-02-2020, H sử dụng số điện thoại 0389316593 gọi cho anh D, nói dối mình là nhân viên Công ty FE-Credit hiện đang có khoản vay 120.000.000 đồng và đặt vấn đề cho anh D vay vốn khoản vay này. Anh D tin tưởng nên đồng ý vay tiền và kết bạn với tài khoản Zalo “Anh Như” của H để liên lạc. Với mục đích tạo niềm tin cho anh D, H yêu cầu anh D gửi thông tin cá nhân và sổ hộ khẩu cho H nói để làm hồ sơ vay vốn. Anh D đã chụp ảnh các giấy tờ trên gửi qua Zalo “Anh Như” cho H. Tuy nhiên sau

khi nhận được ảnh chụp các giấy tờ trên, H không lập hồ sơ vay vốn và không gửi các giấy tờ trên đi bất cứ đâu.

Ngày 11-02-2020 H nói dối hồ sơ vay vốn của anh D đã được duyệt và yêu cầu anh D chuyển số tiền 3.000.000 đồng để chốt làm hồ sơ, vào số tài khoản: 19031048631022 ngân hàng Techcombank của chị Bùi Thị H1 là bạn xã hội của H. Khi được anh D hỏi về tên tài khoản thì H nói dối anh D là tài khoản của bạn làm cùng công ty. Sáng ngày 12-02-2020 anh D nhờ em họ mình là Văn Thị Thu H2 chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào số tài khoản trên và thông báo cho H biết. H liên lạc với chủ tài khoản ngân hàng là chị Bùi Thị H1, thông báo cho chị Bùi Thị H1 rằng số tiền 3.000.000 đồng chuyển đến tài khoản và nói dối chị Bùi Thị H1 rằng đây là tiền H chuyển trước để chiều ra mua hàng tại cửa hàng của chị Bùi Thị H1. Chị Bùi Thị H1 kiểm tra và xác nhận lại với H là có số tiền trên chuyển đến tài khoản của mình. Đến sáng ngày 13-02-2020 H ra Cửa hàng vàng bạc LH ở địa chỉ: Số 321 đường V, phường C, thành phố Nam Định của chị Bùi Thị H1 nhưng không mua hàng mà nhận lại số tiền mặt 3.000.000 đồng từ chị Bùi Thị H1. Số tiền trên H đã tiêu xài cá nhân hết.

Để tiếp tục chiếm đoạt tiền từ anh D, sau khi biết số tiền 3.000.000 đồng đã được chuyển tới tài khoản ngân hàng của chị Bùi Thị H1 thì H nói dối anh D là thẻ ngân hàng bị treo và chưa nhận được tiền, yêu cầu anh D chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng khác. Anh D tin tưởng nên đồng ý. H yêu cầu anh D chuyển tiền vào số tài khoản: 0831000070250 ngân hàng Vietcombank của chị Nguyễn Thị Như T1 là bạn xã hội của H và vẫn nói dối với anh D là tài khoản ngân hàng của bạn làm cùng công ty. Anh D thông báo trong tài khoản chỉ còn 2.000.000 đồng thì H nói dối sẽ cho vay 1.000.000 đồng để nộp hộ anh D. Tối ngày 12-02-2020 anh D nhờ em mình là anh Bùi Văn H chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của chị Nguyễn Thị Như T1 do H cung cấp và thông báo cho H biết. H liên lạc với chị T1, thông báo số tiền 2.000.000 đồng chuyển đến tài khoản của Chị T1 và nói dối đây là tiền của H gửi trước để sau này mua hàng tại cửa hàng vàng bạc của chị T1 tại địa chỉ: Số 02 đường T, phường B, thành phố N. Chị T1 kiểm tra tài khoản không thấy tiền chuyển vào nên thông báo lại cho H. H thông báo cho anh D là chưa nhận được tiền và tiếp tục thúc giục anh D chuyển tiền để làm thủ tục vay vốn. Sáng ngày 14-02-2020 chị T1 thông báo cho H biết số tiền 2.000.000 đồng đã được chuyển đến tài khoản của Chị T1. Tuy nhiên H vẫn nói dối anh D là chưa nhận được tiền và tiếp tục yêu cầu anh D chuyển tiền để làm thủ tục vay vốn với mục đích chiếm đoạt được nhiều tiền hơn. Anh D thông báo trong tài khoản chỉ còn 1.500.000 đồng. H tiếp tục nói dối anh D sẽ cho vay số tiền 1.500.000 đồng để nộp hộ anh D thì anh D đồng ý. H yêu cầu anh D chuyển số tiền trên vào tài khoản số: 105870902827 ngân hàng Vietinbank của H. Tuy nhiên nhằm che dấu thân

phận của mình thì H nói dối đây là tài khoản của bạn H ở cùng công ty. Ngày 14-02-2020 anh D đã nhờ em họ của mình là anh Phạm Văn C chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản mà H cung cấp. H đã nhận được số tiền trên và sử dụng cho cá nhân hết. Số tiền 2.000.000 đồng anh D chuyển đến tài khoản của Chị T1, H mua một nhẫn đeo tay tại cửa hàng vàng bạc của Chị T1.

Để tiếp tục chiếm đoạt thêm tiền của anh D, H nói dối anh D phải đóng tiền bảo hiểm cho khoản vay vốn của mình và yêu cầu anh D chuyển số tiền 4.020.000 đồng. Tuy nhiên anh D nói chỉ còn số tiền 3.000.000 đồng. H nói dối anh D sẽ cho vay thêm số tiền 1.000.000 đồng thì anh D đồng ý. H yêu cầu anh D tiếp tục chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Vietinbank của H. Ngày 15-02-2020 anh D đã chuyển số tiền 3.020.000 đồng vào tài khoản mà H cung cấp. H đã nhận được số tiền trên và đã sử dụng cho cá nhân hết.

Nhằm kéo dài thời gian để tiếp tục chiếm đoạt thêm tiền của anh D, H nói dối anh D hồ sơ vay vốn của anh D đang bị vướng mắc. H yêu cầu anh D gửi trả H số tiền mà H nói dối đã cho anh D mượn trước đó để nộp vào công ty và nói dối để chạy lại thủ tục vay vốn thì anh D phải đóng lại số tiền bảo hiểm. Ngày 17-02-2020 anh D đã chuyển vào tài khoản ngân hàng Vietinbank của H số tiền 1.000.000 đồng. Ngày 20-02-2020 H yêu cầu anh D chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào số tài khoản 19033533111013 ngân hàng Techcombank của anh Đỗ Quang Đ là bạn xã hội của H. Ngày 20-02-2020 anh D đã chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Techcombank mang tên Đỗ Quang Đ. Ngày 21-02-2020 H tiếp tục yêu cầu anh D chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Techcombank của anh Đ. Anh D đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Techcombank của anh Đ. Sau mỗi lần nhận được tiền vào tài khoản, anh Đ đều thông báo lại cho H biết và chuyển số tiền trên về tài khoản ngân hàng của H. Số tiền trên H đã sử dụng cá nhân hết.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, H đã tháo sim, tắt máy điện thoại và thoát khỏi tài khoản Zalo “Anh Như” để anh D không liên lạc được nữa. Sau đó anh D đã lên Công an thành phố Nam Định trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã triệu tập đối với Vũ Thị Thu H. Tại cơ quan điều tra, H khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tiền của mình như trên. H tự nguyện giao nộp: 01 sim điện thoại di động số Serial: 8984048000063682731, là sim điện thoại số 0389316593; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen là các công cụ H dùng để tạo và đăng nhập tài khoản Zalo “Anh Như”.

Về bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, H đã tự nguyện khắc phục trả cho anh D số tiền 14.520.000 đồng, anh D đã nhận số tiền trên và không có đề nghị gì khác.

Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị Thu H đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Đình D như cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 273/CT-VKS ngày 08-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Vũ Thị Thu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Vũ Thị Thu H tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b,s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thị Thu H từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy đối với 01 sim điện thoại số Serial: 8984048000063682731, số điện thoại 0389316593; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen, số imei: 353813086495891.

Bị cáo Vũ Thị Thu H nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị Thu H, bị hại là anh Nguyễn Đình D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án điều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Thị Thu H tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ khác như: Bản ảnh phôtô các kết quả giao dịch chuyển tiền thành công; các phiếu chuyển tiền, chứng từ giao dịch giấy nộp tiền tại ngân hàng; lời khai của bị hại; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 11-02-2020 đến ngày 21-02-2020, bị cáo Vũ Thị Thu H đã có thủ đoạn gian dối khi sử dụng sim điện thoại có số 0389.316.593, lập tài khoản Zalo “Anh Như” để liên lạc với anh Nguyễn Đình D. Bị cáo H đã nói dối mình là nhân viên ngân hàng và có khả năng cho vay vốn để anh D tin tưởng và nhiều lần chuyển tiền cho bị cáo H để làm thủ tục vay vốn ngân hàng. Mặc dù đã nhận được tiền do anh D chuyển khoản nhưng bị cáo H còn nhiều lần nói dối chưa nhận được tiền để anh D tiếp tục chuyển tiền cho bị cáo H. Tổng số tiền bị cáo H đã chiếm đoạt của anh D là 14.520.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) và đã sử dụng cho cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo Vũ Thị Thu H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự an toàn xã hội; bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt được là 14.520.000 đồng nên bị cáo Vũ Thị Thu H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Vũ Thị Thu H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; hiện tại bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; bị cáo phạm tội trong thời gian mang thai và hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,n,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Thị Thu H thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ ngày 11-02-2020 đến ngày 21-02-2020, anh Nguyễn Đình D đã chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho bị cáo H tổng cộng 07 lần. Tuy nhiên, cả 07 lần anh D chuyển khoản có tính chất liên tục về mặt thời gian, bị cáo H đều sử dụng cùng một thủ đoạn gian dối nói mình là nhân viên ngân hàng và yêu cầu anh D chuyển khoản để thực hiện làm thủ tục khoản vay 120.000.000 đồng. Vì vậy hành vi phạm

tội của bị cáo Vũ Thị Thu H không thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Vũ Thị Thu H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thị Thu H là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Nam Định nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Tuy nhiên do bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy bị cáo Vũ Thị Thu H có hoàn cảnh khó khăn, hiện là lao động tự do nên Hội đồng xét xử sẽ không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về án phí:

Bị cáo Vũ Thị Thu H bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b,n,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Thu H 01 năm tù (một năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Vũ Thị Thu H đi chấp hành hình phạt tù.

2. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Vũ Thị Thu H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự;
- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số Serial: 8984048000063682731, là sim của số điện thoại 0389316593 (trong phong bì niêm phong).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen đã cũ, số imei: 353813086495891 (trong phong bì niêm phong).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07-9-2020).

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Vũ Thị Thu H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Nguyễn Đình D; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị Thu H, chị Văn Thị Thu H2, chị Nguyễn Thị Như T1, anh Bùi Văn H, anh Phạm Văn C, anh Đỗ Quang Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Tuấn